

Số: 58/2025/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh
của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao; hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cung cấp thị thực;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1316/TTr-VP ngày 20 tháng 5 năm 2025 về dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 78/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (KTVB);
- Bộ Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Lãnh sự;
- Sở Ngoại vụ TP. HCM;
- Cục Quản lý xuất nhập cảnh;
- TTr TU; TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP ĐĐBQH & HĐND tỉnh;
- ĐU. Ủy ban nhân dân tỉnh;
- ĐU. Các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các huyện, thành ủy;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm công báo tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NgV (3). (H)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thọ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ,
công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **58** /2025/QĐ-UBND
ngày **13** tháng **6** năm **2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý, xét duyệt, cử, cho phép đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển đến giữ chức danh Chủ tịch chuyên trách, Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng Thư ký của Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; Người được cử sang giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người được cử sang đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn góp nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đi nước ngoài vì việc công: là việc cấp có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ, chức năng chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; phục vụ lợi ích phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương bao gồm:

- a) Đào tạo, bồi dưỡng; thực tập, tập huấn, huấn luyện.
- b) Tham quan, khảo sát, nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm.
- c) Bàn thảo, thương lượng, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị.
- d) Hợp tác chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ, nhân sự liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị.
- e) Tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn, sự kiện có nội dung, chương trình liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

g) Tham gia hoạt động, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến hoạt động, tài sản, lợi ích, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị.

h) Tham gia thi đấu, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

2. Đi nước ngoài vì việc riêng: là việc cấp có thẩm quyền cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì mục đích cá nhân không liên quan đến hoạt động công vụ, nghề nghiệp, chức vụ, chức danh mà cá nhân đó đang đảm nhiệm trong cơ quan, đơn vị đã nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Đoàn ra: là việc cấp có thẩm quyền cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài vì việc công theo đoàn có từ 02 người trở lên, đi cùng một khoảng thời gian và cùng một mục đích công tác.

Điều 4. Cán bộ, công chức, viên chức không được phép đi nước ngoài

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, trừ trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 37 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

2. Cán bộ, công chức, viên chức chưa được cấp có thẩm quyền ra quyết định việc đi nước ngoài theo Quy định này.

Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt đi nước ngoài

1. Nguyên tắc xét duyệt đi nước ngoài vì việc công

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền xét duyệt cho phép đi nước ngoài về việc công không quá 02 lần trong 01 năm, trường hợp đặc biệt cán bộ, công chức, viên chức phải đi nước ngoài về việc công hơn 02 lần trong 01 năm thì phải được sự chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy và không cử 02 lãnh đạo chủ chốt trở lên của cơ quan tham gia cùng một đoàn, trường hợp quan trọng, thực sự cần thiết, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

b) Thành phần đoàn ra gọn nhẹ, gắn với nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí;

Không quá 10 người/1 đoàn đối với đoàn do: Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm trưởng đoàn.

Không quá 07 người/1 đoàn đối với đoàn do cấp phó người đứng đầu Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; lãnh đạo các cơ quan Đảng, các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; lãnh đạo cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện thuộc tỉnh làm trưởng đoàn. Trường hợp thật sự cần thiết phải thêm thành phần, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

c) Bảo đảm rút ngắn thời gian các chuyến công tác, thời gian công tác một nước không quá 03 ngày (không tính thời gian quá cảnh, đi và về), trừ trường hợp tham dự hoặc tổ chức sự kiện quy mô lớn tại các đối tác lớn, quan trọng

nhưng không quá 05 ngày. Trường hợp thật sự cần thiết phải thêm thời gian, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

d) Một chuyến công tác không quá 03 nước và cần tính toán hợp lý, bố trí các nước đi thăm gần nhau, thuận tiện, trong cùng khu vực để đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

e) Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng nguồn kinh phí khi đi công tác nước ngoài theo đúng quy định.

g) Các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, Ủy ban kiểm tra, các ban của Tỉnh ủy, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, các sở, ban, ngành, huyện, thành phố không tham gia đoàn của các doanh nghiệp đi nước ngoài hoặc do các doanh nghiệp nước ngoài mời đích danh.

2. Nguyên tắc xét duyệt đi nước ngoài vì việc riêng

a) Cán bộ, công chức, viên chức nghỉ phép đi nước ngoài về việc riêng theo đúng quy định của pháp luật về lao động và các quy định có liên quan.

b) Số ngày nghỉ phép đi nước ngoài về việc riêng không quá số ngày được nghỉ phép trong năm.

c) Trường hợp đặc biệt cán bộ, công chức, viên chức phải đi nước ngoài về việc riêng quá số ngày nghỉ phép theo quy định của pháp luật thì phải được cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP XUẤT CẢNH

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đi nước ngoài vì việc công hoặc vì việc riêng đối với các đối tượng sau đây sau:

1. Sau khi có ý kiến của Thường trực Ban Bí thư: Bí thư Tỉnh ủy (kể cả trường hợp Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải là Bí thư Tỉnh ủy).

3. Sau khi có ý kiến của Bộ Ngoại giao: Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (trường hợp không kiêm nhiệm).

4. Sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

b) Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Đảng của Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Trưởng, Phó các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh: Liên đoàn Lao động tỉnh,

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn.

d) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, Phó các Ban Hội đồng nhân dân và Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân.

e) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Trưởng, Phó cơ quan hành chính cấp tỉnh và tương đương.

g) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh.

h) Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Bà Rịa – Vũng Tàu.

i) Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình.

k) Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện.

l) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh.

5. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh:

a) Trưởng, Phó đơn vị sự nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý (trừ các trường hợp được nêu tại khoản 4 Điều này).

b) Các đối tượng đang công tác tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch Công ty (đối với Công ty không có Hội đồng thành viên); Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc; Trưởng Ban kiểm soát; Kiểm soát viên; Kế toán trưởng.

c) Người được cử sang đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn góp nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

d) Công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển đến giữ chức danh Chủ tịch chuyên trách, Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng Thư ký của Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

6. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Ban Thường vụ cấp ủy huyện, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc cấp ủy tổ chức Đảng cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác (vì việc công) và chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp có sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước).

a) Công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

b) Trưởng, Phó các đơn vị thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh.

c) Trưởng, phó các đơn vị hành chính và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

d) Trưởng, Phó các đơn vị thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

e) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

g) Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị được cử đi nghiên cứu, học tập, đào tạo (dưới 6 tháng) hoặc được cử đi công tác nước ngoài.

Điều 7. Thẩm quyền cho phép cán bộ, công chức, viên chức xuất cảnh trừ các đối tượng được quy định tại Điều 6 của Quy định này

1. Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các sở, các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh xem xét và ký quyết định cử hoặc cho phép xuất cảnh vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, đang làm việc tại cơ quan, đơn vị và các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý trực tiếp theo thẩm quyền sau khi có ý kiến cho phép của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh hoặc cấp ủy tổ chức Đảng cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh xem xét và ký quyết định cho phép xuất cảnh vì việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý, phân cấp quản lý, sau khi đã có ý kiến cho phép của Ban Thường vụ cấp ủy huyện, thành phố hoặc cấp ủy tổ chức Đảng cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác theo quy định:

a) Các cơ quan hành chính, nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện, cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách;

c) Các tổ chức Hội cấp huyện được Nhà nước giao biên chế - quỹ lương.

Chương III

QUẢN LÝ NHÂN SỰ XUẤT CẢNH VÀ QUẢN LÝ HỘ CHIẾU

Điều 8. Trách nhiệm của cá nhân được giao thẩm quyền xét duyệt, quyết định cử, cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chịu trách nhiệm với cấp trên về việc xuất cảnh, nhập cảnh đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức do mình xét duyệt, quyết định cử, cho phép đi nước ngoài.

3. Thường xuyên phối hợp với cấp ủy, ủy ban kiểm tra, thanh tra nhân dân cùng cấp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên.

4. Định kỳ hàng năm kiểm tra hộ chiếu của cán bộ, công chức, viên chức để phòng ngừa việc xuất cảnh, nhập cảnh không phép; khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức vi phạm, phải báo cáo cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo xử lý theo quy định.

5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí khi đi nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được cử, cho phép đi nước ngoài

1. Trách nhiệm:

a) Trong thời gian ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác, học tập, nghiên cứu và thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân Việt Nam khi ở nước ngoài, chấp hành các quy định pháp luật của nước sở tại.

b) Không được mang tài liệu mật của Đảng, Nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào ra nước ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền đồng ý, không được để lộ bí mật Đảng, Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài; không được mang về nước những tài liệu, văn hóa phẩm bị cấm (trừ trường hợp vì yêu cầu công tác và được cấp có thẩm quyền cho phép).

2. Nghĩa vụ:

a) Chấp hành pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia (vùng lãnh thổ) khi đi nước ngoài.

b) Giữ gìn hình ảnh quốc gia, hình ảnh dân tộc khi đi nước ngoài.

c) Báo cáo ngay cho thủ trưởng cơ quan chủ quản, cấp có thẩm quyền nếu không thực hiện chuyến đi nước ngoài, ở lại nước ngoài quá thời gian quy định.

d) Người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có nghĩa vụ sử dụng hộ chiếu theo các quy định tại Điều 11 của quy định này có liên quan về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.

Điều 10. Sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

Người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định tại Điều 25 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

Điều 11. Trách nhiệm của người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

Điều 12. Quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc theo quy định tại Điều 11 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019:

Quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 13. Các trường hợp được cấp và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh

1. Những trường hợp khi xuất cảnh để thực hiện nhiệm vụ chính thức do cơ quan, tổ chức giao được cấp và sử dụng hộ chiếu ngoại giao để xuất cảnh, cụ thể như sau:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy và Đại biểu Quốc hội của tỉnh,
- b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh,

2. Trường hợp được cấp hộ chiếu công vụ được quy định tại Điều 9 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

3. Những đối tượng không thuộc diện quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này được sử dụng hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh vì việc công.

4. Tất cả các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức khi xuất cảnh vì việc riêng chỉ được sử dụng hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh.

5. Trong một số trường hợp cần thiết, do nhu cầu nhiệm vụ và tính chất chuyển đi công tác, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề nghị Bộ Ngoại giao cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ cho các đối tượng ngoài diện quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này.

6. Việc cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông để xuất cảnh không đúng mục đích và không có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép xuất cảnh là vi phạm quy định của luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xuất cảnh

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét tham mưu, giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng nêu tại Điều 6 của quy định này.

2. Các sở, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục xuất cảnh đối với các đối tượng do các cơ quan, đơn vị quản lý nêu tại khoản 1, Điều 7 của quy định này.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết các thủ tục

xuất cảnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cho phép xuất cảnh của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nêu tại khoản 2, Điều 7 của quy định này.

Điều 15. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch đoàn ra

1. Đối với việc xuất cảnh vì việc công có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đều phải xây dựng kế hoạch đoàn ra hàng năm và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch đoàn ra phải thể hiện đầy đủ mục đích, nội dung, chương trình cần khảo sát, nghiên cứu, học tập; thành phần, thời gian và nguồn kinh phí xuất cảnh.

2. Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch đoàn ra của cán bộ công chức hành chính và viên chức sự nghiệp trong các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian xây dựng kế hoạch đoàn ra năm sau hoàn thành và gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 9 hàng năm.

3. Hồ sơ, tài liệu trình xin chủ trương đối với Kế hoạch tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài đã được duyệt, gửi về Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, cho ý kiến trước khi tổ chức đoàn đi 01 tháng.

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Những cán bộ, công chức, viên chức sau khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền, nếu không xuất cảnh theo quyết định đã được phê duyệt, phải có trách nhiệm báo cáo ngay với cơ quan ra quyết định để hủy quyết định xuất cảnh theo quy định.

2. Khi về nước, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc phải báo cáo bằng văn bản đầy đủ, trung thực về nội dung, kết quả chuyến đi; việc chấp hành pháp luật nước sở tại; việc thực hiện quy định về bảo vệ chính trị nội bộ với cấp có thẩm quyền cho phép đi nước ngoài, cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi sinh hoạt. Đồng thời, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan trực tiếp quản lý. Riêng đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý gửi 01 bản báo cáo đến Ban Tổ chức Tỉnh ủy để theo dõi.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm quyền quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức xuất cảnh quy định tại Điều 7 của quy định này có trách nhiệm gửi quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Cục quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ công an và Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, theo dõi.

Riêng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức xuất cảnh vì việc riêng thì các cơ quan, đơn vị không gửi quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh về Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức xuất cảnh cần kịp thời gửi thông báo cử cán bộ đi nước ngoài trước thời gian ra quyết định cho phép cán bộ xuất cảnh ít nhất 02 ngày đến các cơ quan chức năng:

a) Đối với trường hợp cán bộ xuất cảnh vì việc công, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi thông báo đến: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an; Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo); Công an tỉnh; Sở Nội vụ.

b) Đối với trường hợp cán bộ xuất cảnh vì việc riêng, các cơ quan, đơn vị cần gửi thông báo đến: Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo); Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ.

5. Định kỳ quý, 06 tháng, 01 năm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ xuất cảnh quy định tại Điều 14 của quy định này có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, báo cáo về tình hình và số lượng nhân sự xuất cảnh, tình hình quản lý và sử dụng hộ chiếu của các đối tượng xuất cảnh gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo thống kê về số lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ.

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch đoàn ra;

2. Tổng hợp kế hoạch đoàn ra của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh;

3. Xem xét, thẩm định và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đoàn ra của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, Doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh trước ngày 30 tháng 9 hàng năm;

4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước khi cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức xuất cảnh theo quy định.

5. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo đúng quy định.

6. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thông báo phạm vi ủy quyền, giới thiệu về mẫu con dấu của cơ quan, chữ ký và chức danh của người có thẩm quyền ký quyết định cử hoặc cho phép đương sự xuất cảnh tại Điều 6 của quy định này đến Bộ Ngoại giao, Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh – Bộ Công an, Công an tỉnh.

7. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo thống kê về số lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ quý, 06 tháng, 01 năm.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách thực hiện đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và phân cấp

ngân sách hiện hành trên cơ sở Quy định về quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và dự toán do các cơ quan, đơn vị lập.

19. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện; các Doanh nghiệp Nhà nước, các Doanh nghiệp có vốn góp nhà nước có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định này và có trách nhiệm kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đối với việc thực hiện các nội dung quản lý xuất nhập cảnh theo quy định. /.